TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày: 17 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Khánh Thành

Bà: Đinh Thị Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 17/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HS ngày 05/5/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Minh H**, sinh năm 1999 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông: không xác định được, con bà: Trần Thị B; Chưa có vợ, con; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị B, sinh năm 1966.

Trú tại: Xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người chứng kiến:*

Ông Trần Văn T, sinh năm 1962.

Trú tại: Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 19/01/2023, tổ công tác Công an xã V và Công an xã K, huyện Đ phát hiện bắt quả tang Trần Minh H đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. H tự giác lấy từ cốp xe mô tô giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 06 viên nén màu hồng và chất rắn dạng tinh thể màu trắng (H khai đây là số chất ma túy loại Methamphetamine của H mua về để sử dụng). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, thu giữ vật chứng gồm: 06 viên nén màu hồng và chất rắn dạng tinh thể màu trắng (Niêm phong vào phong bì ký hiệu M); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, BKS 20F1-610.97; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo.

Hồi 13 giờ 00 phút ngày 20/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, đồ vật đối với Trần Minh H. Kết quả khám xét không thu giữ gì.

Hồi 10 giờ 50 phút ngày 20/01/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã phối hợp với Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành cân xác định khối lượng số viên nén và chất rắn dạng tinh thể thu giữ của Trần Minh H: Số chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu M có khối lượng: 0,263 gam (được niêm phong vào phong bì ký hiệu M1 gửi giám định). 06 viên nén màu hồng trong phong bì ký hiệu M có khối lượng: 0,590 gam (được niêm phong vào phong bì ký hiệu M2 gửi giám định).

Tại kết luận giám định số 325/KL-KTHS ngày 28/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng thu giữ ban đầu là: 0,263 gam. Các viên nén màu hồng trong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng thu giữ ban đầu là: 0,590 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Minh H khai nhận như sau: Khoảng đầu tháng 01/2023 H từ nhà xuống thành phố Hà Nội làm tài xế giao hàng công

nghệ. Qúa trình làm việc có sử dụng mạng Internet, H thấy hình ảnh người khác sử dụng ma túy nên thử mua ma túy về sử dụng. Khoảng 18 giờ ngày 17/01/2023 khi H đi giao hàng về thì gặp 01 người đàn ông H không quen biết tại đường Nguyễn Xiển, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, qua giao dịch H mua của người này được 01 túi nilong màu trắng bên trong chứa 06 viên nén màu hồng và chất rắn dạng tinh thể màu trắng (là chất ma túy dạng hồng phiến và dạng đá) với giá 500.000 đồng. Sau khi mua được chất ma túy, H cất giấu vào cốp xe mô tô BKS: 20F1-610.97, đến khoảng 12 giờ ngày 19/01/2023 H đi từ phòng trọ tại thành phố Hà Nội về nhà ở xóm B, xã V. Khi đến khu vực trường Trung học phổ thông Lưu Nhân Chú thuộc Xóm C, xã K thì bị tổ công tác Công an xã V và Công an xã K phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng của vụ án gồm: 03 bì niêm phong ký hiệu M1, M2, M3; 01 xe mô tô BKS 20F1-61097; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo hiện được bảo quản tại kho vật chứng của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh H khai nhận rõ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng nêu trên.

Bản cáo trạng số 57/CT-VKSĐT, ngày 14/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Trần Minh H về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh H phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh H từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; về xử lý vật chứng cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; trả lại bị cáo H một xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner BKS 20F1-610.97 và một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại màn hình cảm ứng. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình chăm sóc mẹ già và hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ; Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ; Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo thừa nhận do bản thân muốn sử dụng thử ma túy nên đã tàng trữ ma tuý trong người để sử dụng cho bản thân không bán lại cho ai, không nhằm mục đích gì khác. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong, cân xác định khối lượng ma túy, kết luận giám định, phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng khác cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/01/2023 tại Xóm C, xã K, huyện Đ, Trần Minh H đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,853 gam chất ma túy (loại Methamphetamine), mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Tổ công tác Công an xã V và Công an xã K, huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

c) ... Methamphetamine....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như tính chất, mức độ của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy cần có một mức án tương xứng với tội trạng mà bị cáo gây ra và cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[**4]** Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xác minh lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xét thấy bị cáo có thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Đối với vật chứng là số ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu được niêm phong trong các phong bì ký hiệu M1, M2, M3, xét thấy đây là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, BKS: 20F1-610.97, xét thấy đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị B, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H nên cần trả lại cho bà Bé quản lý, sử dụng.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại màn hình cảm ứng, số Imei1: 861746051343685, số Imei2: 861746051343693, đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có gắn 01 sim điện thoại số 0393435244, xét thấy đây là điện

thoại của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam bị cáo Trần Minh H với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

[8] Về nguồn gốc số ma túy Heroine: H khai mua của một người đàn ông không quen biết tại thành phố Hà Nội. Do không xác định được lai lịch của người đàn ông trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không có căn cứ xem xét xử lý.

Bà Trần Thị B là người cho H mượn xe mô tô BKS: 20F1-610.97, tuy nhiên bà Bé không biết việc H sử dụng xe mô tô đi mua ma túy sử dụng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không xem xét xử lý đối với bà bà Bé.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Trần Minh H **02** *(Hai)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2023.

3. Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Quyết định tạm giam bị cáo Trần Minh H với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) bì niêm phong ký hiệu lần lượt là M1, M2 và M3.

Trả lại bà Trần Thị B: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, BKS: 20F1-610.97.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại màn hình cảm ứng, số Imei1: 861746051343685, số Imei2: 861746051343693, đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có gắn 01 sim điện thoại số 0393435244

(*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/4/2023 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).*

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Minh H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo (Trần Minh H), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị B), báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan điều tra CA huyện Đ;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Đ;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Giang